Phụ lục 3

PHẠM VI CUNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA THUỐC

Gói thầu số 02: Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

Stt	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ hay hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng			Giá kế hoạch (VND)	Nhóm TCKT	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
							TTYT	TYT	TC				
1	TT405	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).		Uống	Viên nang	Viên	30,000	35,000	65,000	882	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	573,300
2	TT406	Actiso, Rau má.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	1575	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	787,500
3	TT407	Actiso.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	845	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	422,500
4	TT408	Bạch chỉ, Phòng phong, Hoàng cầm, Ké đầu ngựa, Hạ khô thảo, Cỏ hôi, Kim ngân hoa.		Uống	Viên	Viên	30,000		30,000	2100	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	630,000
5	TT409	Bạch chỉ, Tân di hoa, Thương nhĩ tử, Tinh dầu Bạc hà.		Uống	Viên nang	Viên	50,000	39,000	89,000	1150	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,023,500

6	TT410	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu.		Uống	Viên nang	Viên	30,000		30,000	1740	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	522,000
7	TT411	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).		Uống	Viên nang	Viên	20,000		20,000	1000	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	200,000
8	TT412	Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rụt/Nam Mộc hương, Sơn tra, Hậu phác nam.		Uống	Viên hoàn cứng	Viên	20,000		20,000	2700	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	540,000
9	TT413	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.		Uống	Viên	Viên	20,000		20,000	2900	ĐY1	Theo dự trù hàng tháng	580,000
10	TT414	Cao xương hỗn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa.		Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	60,000	50,000	110,000	3500	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	3,850,000
11	TT415	Câu đằng, Hạ khô thảo, Bạch mao căn/Rễ cỏ tranh, Linh chi, Ích mẫu.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	1500	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	750,000
12	TT416	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch huyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa)		Uống	Viên nang	viên	50,000	20,000	70,000	2700	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,890,000

13	TT417	Chè dây.		Uống	Viên nang	Viên	64,000	15,000	79,000	800	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	632,000
14	TT418	Chỉ thực, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch truật, Bạch linh/Phục linh, Bán hạ, Mạch nha, Hậu phác, Cam thảo, Can khương, Hoàng liên/Ngô thù du.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	1029	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	514,500
15	TT419	Đan sâm, Tam thất.		Uống	Viên	Viên	30,000		30,000	714	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	214,200
16	TT420	Đăng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	2100	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,050,000
17	TT421	Địa liền, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não.		Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	5,000		5,000	41000	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	2,050,000
18	TT422	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.		Uống	Viên hoàn cứng	Viên	50,000		50,000	3,200	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,600,000
19	TT423	Diếp cá, Rau má.		Uống	Viên	Viên	40,000		40,000	1575	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	630,000
20	TT424	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.		Uống	Viên nang	Viên	30,000	30,000	60,000	1680	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,008,000
21	TT425	Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nồi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ).		Uống	Viên	Viên	30,000		30,000	968	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	290,400

22	TT426	Diệp hạ châu.		Uống	Viên nang	Viên	30,000	36,800	66,800	452	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	301,936
23	TT427	Diệp hạ châu/ Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực.		Uống	Viên nang	Viên	30,000		30,000	1950	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	585,000
24	TT428	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).		Uống	Viên	Viên	150,000	184000	334,000	800	ĐY1	Theo dự trù hàng tháng	2,672,000
25	TT429	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).		Uống	viên nang	Viên	80,000	50,000	130,000	2916	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	3,790,800
26	TT430	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim/Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế/Quế chi, Cam thảo.		Uống	viên nang	Viên	120,000		120,000	3035	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	3,642,000
27	TT431	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung.		Uống	Viên	Viên	50,000	50000	100,000	830	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	830,000
28	TT432	Đương quy, Bạch quả.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	1,430	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	715,000
29	TT433	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.		Uống	Viên nang	Viên	50,000	60,000	110,000	1,350	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,485,000

30	TT434	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo.		Uống	Viên	Viên	30,000		30,000	850	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	255,000
31	TT435	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).		Uống	Viên	Viên	80,000		80,000	834	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	667,200
32	TT436	Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế.		Uống	Viên nang	Viên	30,000		30,000	4,000	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,200,000
33	TT437	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn.		Uống	Viên	Viên	30,000	5,000	35,000	1,260	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	441,000
34	TT438	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược.		Uống	Viên	Viên	50,000	20,000	70,000	1,155	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	808,500
35	TT439	Hoàng liên, Vân Mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	1,722	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	861,000
36	TT440	Húng chanh, Núc nác, Cineol.		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	30,000	30,000	60,000	2,100	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,260,000
37	TT441	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác.		Uống	Viên nang	Viên	110,000	70,000	180,000	1,190	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	2,142,000

38	TT442	Hy thiêm, Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Cẩu tích, Thổ phục linh.		Uống	Viên nang	Viên	40,000		40,000	1,081	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	432,400
39	TT443	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).		Uống	Viên nang	Viên	20,000	5,000	25,000	500	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	125,000
40	TT444	Kim ngân hoa, Liên kiều, Cát cánh, Bạc hà, Đạm trúc diệp, Cam thảo, Kinh giới tuệ/Kinh giới, Ngưu bàng tử, (Đạm đậu sị).		Uống	Viên nang	Viên	30,000	20,000	50,000	750	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	375,000
41	TT445	Kim ngân hoa, Nhân trần/Nhân trần tía, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	1,990	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	995,000
42	TT446	Kim ngân, Hoàng cầm, Liên kiều, Thăng ma.		Uống	Viên	Viên	30,000		30,000	2,200	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	660,000
43	TT447	Kim tiền thảo, Chỉ thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Binh lang, Mộc hương, Đại hoàng.		Uống	Viên	Viên	40,000	10,000	50,000	1,365	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	682,500
44	TT448	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô.		Uống	Viên	Viên	85,000		85,000	315	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	267,750
45	TT449	Kim tiền thảo.		Uống	Viên nang	Viên	100,000	20,000	120,000	525	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	630,000
46	TT450	Kim tiền thảo.		Uống	Viên	Viên	100,000	50,000	150,000	190	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	285,000

47	TT451	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh.		Uống	Viên nang	Viên	50,000	30,000	80,000	2,200	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,760,000
48	TT452	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).		Uống	Viên	Viên	30,000	30,000	60,000	1,260	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	756,000
49	TT453	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor.		Dùng ngoài	Thuốc xịt mũi	Chai/lọ	500		500	40,000	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	200,000
50	TT454	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì, (Tam Thất).		Uống	Viên nang	Viên	100,000	100,000	200,000	840	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,680,000
51	TT455	Mã tiền, Ma hoàng, Tầm vôi, Nhũ hương, Một dược, Ngưu tất, Cam thảo, Thương truật.		Uống	Viên	Viên	80,000		80,000	1,050	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	840,000
52	TT456	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì).		Uống	Viên nang	Viên	150,000	20,000	170,000	950	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,615,000
53	TT457	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du).		Uống	Viên nang	Viên	20,000	8,000	28,000	1,350	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	378,000
54	TT458	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe/Rutin, (Bạch truật).		Uống	Viên namg	Viên	20,000	15,000	35,000	900	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	315,000
55	TT459	Nhân sâm, Lộc nhung, Đương quy, Đỗ trọng, Thục địa, Phục linh, Ngưu tất, Xuyên khung, Hà thủ ô đỏ, Ba kích, Nhục thung dung, Sơn thủ, Bạch truật, Kim anh, Nhục quế, Cam thảo.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	1,350	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	675,000

56	TT460	Nhân sâm, Tam thất.		Uống	Viên	Viên	50,000		50,000	1,200	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	600,000
57	TT461	Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ/Bán hạ chế, Sa nhân, Mộc hương, (Gừng tươi/Sinh khương).		Uống	Viên	Viên	50,000		50,000	750	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	375,000
58	TT462	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo).		Uống	Viên	Viên	50,000		50,000	900	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	450,000
59	TT463	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương qui, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm, (Cam thảo), (Mộc thông).		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	2,780	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,390,000
60	TT464	Ô đầu, Địa liền, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiền), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Camphora, (Tế tân), (Riềng).		Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	1,000	1,500	2,500	23,100	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	577,500
61	TT465	Quy bản/Cao xương, Thục địa, Hoàng bá, Tri mẫu.		Uống	Viên	Viên	50,000	60,000	110,000	1,260	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,386,000
62	TT466	Sài hồ, Bạch truật, Gừng tươi, Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	1,150	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	575,000
63	TT467	Sinh địa, Hồ ma, Đào nhân, Tang diệp, Thảo quyết minh, Trần bì.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	2,000	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,000,000

64	TT468	Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chỉ, Cam thảo.		Uống	Viên nang	Viên	30,000		30,000	1,920	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	576,000
65	TT469	Tân di/Tân di hoa, Cảo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.		Uống	Viên nang	Viên	50,000		50,000	1,900	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	950,000
66	TT470	Thanh cao/Thanh hao, Kim ngân hoa, Địa liền, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đằng, Bạc hà.		Uống	Viên nang	Viên	40,000	40,000	80,000	1,260	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,008,000
67	TT471	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô.		Uống	Viên nang	Viên	40,000		40,000	2,500	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,000,000
68	TT472	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục.		Uống	Viên nang	Viên	30,000	10,000	40,000	750	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	300,000
69	TT473	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.		Uống	Viên nang	Viên	25,000	20,000	45,000	609	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	274,050
70	TT474	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, (Kim ngân hoa).		Uống	Viên nang	Viên	30,000	30,000	60,000	1,260	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	756,000
71	TT475	Tỏi, Nghệ.		Uống	Viên	Viên	30,000	30,000	60,000	546	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	327,600

72	TT476	Trần bì, Cát cánh, Tiền hồ, Tô diệp, Tử uyển, Thiên môn, Tang bạch bì, Tang diệp, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol.		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	3,000	3,000	6,000	33,500	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	2,010,000
73	TT477	Trần bì, Đương quy, Mạch nha, Phục linh, Chỉ xác, Thanh bì, Bạch Truật, Hậu phác, Bạch đậu khấu, Can khương, Mộc hương.		Uống	Viên nang	Viên	35,000		35,000	3,000	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,050,000
74	TT478	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền).		Uống	Viên	Viên	40,000		40,000	2,990	ĐY2	Theo dự trù hàng tháng	1,196,000
75	TT479	Xuyên khung, Tần giao, Bạch chỉ, Đương quy, Mạch môn, Hồng sâm, Ngô thù du, Ngũ vị tử, Băng phiến/Bomeol.		Uống	Viên hoàn cứng	Gói	30,000		30,000	12,000	ĐY3	Theo dự trù hàng tháng	3,600,000
		TC : 75 mặt hàng											**73,487,136**